TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 4 – 2024
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khoản

2. Bà Phạm Minh Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách– Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn H sinh năm: 1967 (Có mặt)
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P sinh năm 1967 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường M, TX. C, Tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H và bà P chung sống và đăng ký kết hôn năm 1988 tại UBND thị trấn G, huyện G1, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, trước khi lấy vợ lấy chồng hai người đều độc thân. Thời gian đầu thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cải cã xung đột, dẫn đến tình cảm vợ chồng căng thẳng không thể giải quyết được nên ông H và bà P đã tự thỏa thuận chia tài sản và ra phòng công chứng để phân chia

tài sản và ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Về con chung: Ông H và bà P có 02 con chung tên Võ Hữu H1, sinh ngày 26/3/1991 và Võ Ngọc B, sinh ngày 14/01/1994. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Ông H và bà P tự thỏa thuận chia tài sản chung trước khi ly hôn nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:* Bà P và ông H là vợ chồng, chúng sống và đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND thị trấn G, huyện G1, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, trước khi lấy vợ lấy chồng hai người đều độc thân. Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông H thường xuyên đánh đập bà P vì vấn đề tiền bạc nên bà P không thể tiếp tục chung sống được với nhau và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà P thì bà P không đồng ý. Vì Bà P muốn sống bình thường vì tuổi đã già nên không muốn ly hôn mà chỉ muốn ly thân với ông H.

Về con chung: Bà P và ông H có 02 con chung tên Võ Hữu H1, sinh ngày 26/3/1991 và Võ Ngọc B, sinh ngày 14/01/1994. Hiện các con đã trưởng thành nhưng bà P muốn ông H quan tâm đến con cái.

Về tài sản chung: Trong đơn phản tố bà P yêu cầu chia tài sản chung là 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất.

01. Thửa đất 170; tờ bản đồ số: 8, diện tích đất 6964.2m^2 đất tọa lạc tại chỉ tại: ấp 2, xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước, trên số có 01 căn nhà cấp 4. Đất được được Sở tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Bích P trị giá trên đất khoảng 300.000.000đ.

02. thửa đất số 171; tờ bản đồ số: 8, diện tích đất 6998.8m^2 đất tọa lạc tại: ấp 2, xã Minh Long, huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước, trên số có 01 căn nhà cấp 4. Đất được được Sở tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Võ Văn H trị giá trên đất khoảng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Tổng tài sản chung 02 thửa đất khoảng 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung mỗi người ½ và bà P yêu cầu được nhận bằng hiện vật. mỗi người được hưởng 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và 01 chiếc xe ô tô. Chủ sở hữu xe mang tên chồng tôi (Võ Văn Hùng) Nhã hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, màu sơn: màu xanh, xe mang biển số 39H-031.59, số khung: PLUMFT7KANN000348, số máy: N369250D4CB, theo giấy chứng nhận đăng ký xe oto số: 93 000376 do Công an huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/07/2022. Chiếc xe này anh Võ Văn H đã bán ngày 21 tháng 08 năm 2023 cho chị

Nguyễn Thị Thanh Mai với số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) đây là chiếc xe đứng tên ông H nhưng là tài sản chung vợ chồng tạo lập được có trong thời kỳ hôn nhân. Khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung mỗi người ½ và bà P yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Mỗi người được hưởng 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Về nợ: Bà P trình bày có vay ngân hàng chính sách ở thị xã Chơn Thành với số tiền là 25.000.000 đồng. Yêu cầu ông H trả khoản nợ trên và Ngân hàng AGRIBANK chi nhánh 5610 chi nhánh thị xã Chơn Thành, Tây Bình Phước, địa chỉ quốc lộ 14, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với số tiền vay là 200.000.000đ. Tiền lãi 1.676.712đ (một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng). Khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung mỗi người ½. Mỗi người trả: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và có vay chị Bùi Thị Ngọc Thùy; sinh ngày 08/01/1972; địa chỉ: 504, khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, số tiền vay là 150.000.000đ. Mục đích vay để làm ăn trong gia đình . Khi ly hôn bà P đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung mỗi người 75.000.000đ (bảy năm triệu đồng).

Tại phiên tòa: Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 209, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho ông Võ Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Bích P có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản. Bà đã được Tòa án ra thông báo đóng tiền tạm ứng nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ đóng án phí nên

Tòa án đã ra thông báo trả đơn không xem xét yêu cầu của bà P là đúng quy định pháp luật.

Về nợ chung: Về phía Ngân hàng không yêu cầu ông H bà P phải trả khoản nợ trên, khi nào có yêu cầu phía Ngân hàng sẽ giải quyết trong vụ án khác. Về phía bà Thúy Tòa án đã ra thông báo để bà Thúy đưa ra ý kiến về khoản nợ nhưng bà Thúy không lên Tòa, cũng không có văn bản đưa ra yêu cầu của mình. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của các đương sự, Tòa án nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy ông H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do các bên khởi kiện tranh chấp "ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P địa chỉ cư trú của bà P tổ 1, khu phố 4, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bích P chung sống và kết hôn tại đăng ký kết hôn năm 1988 tại UBND thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa ông H và bà P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung dẫn tới vợ chồng thường xuyên cả vã, xung đột làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng không thể chung sống được với nhau nên đã ly thân từ 2018 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm đến nhau nữa, về phía bà P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do ông H thường xuyên đánh đập bà P vì vấn đề tiền bạc nên bà P không thể tiếp tục chung sống được với nhau và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mạnh ai người đó sống, tại phiên tòa bà P đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện ông H phải chia

đất cho các con, đối với yêu cầu của bà P không được ông H chấp nhận. Để xác định mâu thuẫn vợ chồng Tòa án đã tiến hành xác minh tại ban ấp được biết vợ chồng đã số ly thâm từ 2018 như lời trình bày của ông H và bà P và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng các bên không thống nhất với nhau. Đều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điếu 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hùng

[2.2]. Về con chung: Trong qúa trình chung sống ông H và bà P 02 con chung tên Võ Hữu H1, sinh ngày 26/3/1991 và Võ Ngọc B, sinh ngày 14/01/1994. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà P có đơn phản tố, ngày 22/11/2023 về yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí số 463/2023/TB- TA ngày 23/11/2023 để bà P thực hiện nghĩa vụ của mình. Hết thời hạn 07 ngày bà P không thực hiện nghĩa vụ về việc đống tiền tạm ứng án phí. Vì vậy Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện số 28/TB- TA, ngày 11/12/2023 nên không được Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Trong đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày: Bà và ông H có vay ngân hàng chính sách ở thị xã Chơn Thành với số tiền là 25.000.000 đồng , Ngân hàng AGRIBANK chi nhánh 5610 chi nhánh thị xã Chơn Thành, Tây Bình Phước, địa chỉ quốc lộ 14, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với số tiền vay là 200.000.000đ và chị Bùi Thị Ngọc Thùy; sinh ngày 08/01/1972; địa chỉ: 504, khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre . Với số tiền vay là 150.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa Ngân Hàng và bà Thúy vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đối với yêu cầu của bà Phượng. Về phía Ngân Hàng chính sách xã hôi có công văn số 165/NHCS, ngày 20/12/2023, không yêu vầu Tòa án giải quyết số nợ trên. Về phía Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Chơn Thành có công văn số 140/NHNo –PGD, ngày 18/12/2023 không yêu cầu bà P trả nợ trước hạn. Đối với bà Thùy Tòa án đã giử giấy triệu tập mời bà Thùy lên làm việc về khoản nợ mà bà P yêu cầu nhưng bà Thùy vắng mặt không có lý do, cũng không văn bản đưa ra ý kiến của mình nên Tòa án không có cơ sở để xem xét và không đưa Ngân hàng và bà Thùy vào tham gia tố tụng.

Về các khoản nợ trên các đượng sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[2.5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Võ Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà P không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Văn H với bà Nguyễn Thị Bích P.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012509 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn,bị đơn vắng mặt được quyền khánh cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Ngọc